

**Phụ lục**

**BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH THỬA ĐẤT, CHỦ SỬ DỤNG, LOẠI ĐẤT, NGUỒN GỐC SỬ DỤNG CÁC THỬA BỊ THU HỒI  
DỰ ÁN: KHU NHÀ Ở TRUNG TÂM NGHI KIM TẠI XÃ NGHI KIM, THÀNH PHỐ VINH (ĐỢT 1 - 42 HỘ/105 THỬA)**

*(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../2023 của UBND thành phố Vinh)*

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Diện tích theo Trích lục							DT theo chuyển đổi 02			Diện tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc	
		Tờ BĐ	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)			DT thửa đất (m2)
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
A	Đất nông nghiệp 42 hộ - 105 thửa				51.613,0	44.814,2	44.746,6	67,6	6.798,8			53.531,0	-1.553,0	
I	Đất nông nghiệp đã được UBND Thành phố cấp GCN QS đất				4.307,6	4.064,5	4.064,5	0,0	243,1			4.379,0	-71,4	
		19	110	BHK	404,9	161,8	161,8	0,0	243,1	5	1012	398,0	6,9	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao đất theo Nghị định 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02 của Tỉnh ủy Nghệ An. Đã được UBND Thành phố cấp GCN QSD đất ngày 25/12/2015 số BX 417561 vào sổ cấp GCN: CH 00251/Số 9009-QĐ-UBND là thửa 1012, tờ số 5, diện tích 398,0m2. Diện tích hiện trạng tăng 6,9m2 do sai số đo đạc. Quá trình sử dụng ổn định, đúng mục đích, không tranh chấp, không lấn chiếm. Ông Tuất là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ hộ SXNN.

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BD	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
1	Hộ ông Phùng Bá Tuất	19	168	BHK	427,3	427,3	427,3	0,0	0,0	5	1066	468,0	-40,7	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao đất theo Nghị định 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02 của Tỉnh ủy Nghệ An. Đã được UBND Thành phố cấp GCN QSD đất ngày 25/12/2015 số BX 417561 vào sổ cấp GCN: CH00251/Số 9009-QĐ-UBND thửa số 1066, tờ số 5, diện tích 468,0m2. Diện tích hiện trạng giảm 40,7m2 do sai số đo đạc. Quá trình sử dụng ổn định, đúng mục đích, không tranh chấp. Ông Tuất là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ hộ SXNN.
		19	146	BHK	1044,7	1044,7	1044,7	0,0	0,0	5	1036	1062,0	-17,3	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao đất theo Nghị định 64/NĐ-CP ngày 27/9//1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa đổi theo Chỉ thị 02 của Tỉnh ủy Nghệ An. Đã được UBND Thành phố cấp GCN QSD đất ngày 25/12/2015 số BX 417561 vào sổ cấp GCN: CH00251/Số 9009-QĐ-UBND là thửa số 1036, tờ số 5, diện tích 1062,0m2. Diện tích hiện trạng giảm 17,3m2 do sai số đo đạc. Quá trình sử dụng ổn định, đúng mục đích, không tranh chấp. Ông Tuất là hộ trực tiếp SXNN, có nguồn thu nhập ổn định từ SXNN.
		19	281	LUC	539,8	539,8	539,8	0,0	0,0	5	1216, 1217	538,0	1,8	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao đất theo Nghị định 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02 của Tỉnh ủy Nghệ An. Đã được UBND Thành phố cấp GCN QSD đất ngày 25/12/2015 số BX 417561 vào sổ cấp GCN: CH00251/Số 9009-QĐ-UBND là thửa số 1216, tờ số 5, diện tích 279m2 và thửa 1217, tờ số 5, diện tích 259m2. Diện tích hiện trạng tăng 1,8m2 do sai số đo đạc. Quá trình sử dụng ổn định, đúng mục đích, không tranh chấp. Ông Tuất là hộ trực tiếp SXNN, có nguồn thu nhập ổn định từ SXNN

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BD	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
2	Hộ ông Võ Văn Hà	19	233	BHK	595,4	595,4	595,4	0,0	0,0	5	1105	590,0	5,4	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD số 940/QSDĐ năm 1994 tại thửa 106, tờ số 5, diện tích 433m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chi thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích, loại đất năm 2004 là thửa 1105, tờ số 5, diện tích 590m2. Diện tích hiện trạng tăng 5,4m2 do sai số đo đạc. Thửa đất đã được cấp đổi GCN QSD đất số BX 417545 ngày 25/12/2015 của UBND Thành phố. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Hộ ông Hà là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ việc SXNN.
3	Hộ bà Nguyễn Thị Soa Vợ của ông Lê Văn Kháng (đã chết)	19	153	LUC	394,1	394,1	394,1	0,0	0,0	5	1065	429,0	-34,9	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD số 942/QSDĐ năm 1994 cho ông Lê văn Kháng tại thửa 106-97, tờ 5, diện tích 433m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo chi thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An, Đã được cấp đổi GCN QSD đất số BX 417564 ngày 25/12/2015 của UBND Thành phố tại thửa 1065, tờ 5, diện tích 429m2. Diện tích hiện trạng giảm 34,9m2 do sai số đo đạc. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Hộ bà Soa là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.
		19	197	BHK	699,8	699,8	699,8	0,0	0,0	5	1099	699,0	0,8	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD số 942/QSD đất năm 1994 cho ông Lê văn Kháng tại 106, tờ số 5, diện tích 1165m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo chi thị 02/CT-TU ngày 05/4/2021 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Đã được cấp đổi GCN QSD đất số BX 417564 ngày 25/12/2015 của UBND Thành phố tại thửa 1099, tờ số 5, diện tích 699,0m2. Diện tích hiện trạng tăng 0,8m2 do sai số đo đạc. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Hộ bà Soa là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BD	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
		19	246	LUC	201,6	201,6	201,6	0,0	0,0	5	1153	195,0	6,6	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD số 942/QSD đất năm 1994 cho ông Lê Văn Kháng tại thửa 104, tờ số 5, diện tích 200m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chi thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Đã được cấp đổi GCN QSD đất số BX 417564 ngày 25/12/2015 của UBND Thành phố tại thửa 1153, tờ số 5, diện tích 195m2 mang tên ông Kháng. Diện tích hiện trạng tăng 6,6m2 do sai số đo đạc. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Hộ bà Soa là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.
<b>II</b>	<b>Đất nông nghiệp đã được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất</b>				<b>47.305,4</b>	<b>40.749,7</b>	<b>40.682,1</b>	<b>67,6</b>	<b>6.555,7</b>			<b>49.152,0</b>	<b>-1.481,6</b>	
		19	98	BHK	280,0	112,9	112,9	0,0	167,1	5	982	281,0	-1,0	Nhận thừa kế từ mẹ là bà Võ Thị Vinh (đã chết) và bố là ông Lê Quốc Lập (đã chết) theo văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế được UBND xã Nghi Kim chứng thực ngày 15/9/2022. Đất được Huyện Nghi Lộc giao theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ và được Huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 109+110, tờ 5, diện tích 933m2 cho bà Võ Thị Vinh (do sai họ thành Nguyễn Thị Vinh). Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chi thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích, loại đất năm 2004 là thửa 982, tờ số 5, diện tích 281,0m2. Diện tích hiện trạng giảm 1,0 m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng ổn định, liên tục, đúng mục đích, không tranh chấp. Ông Hoà là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có nguồn thu nhập ổn định từ SXNN.

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BD	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
1		19	124	BHK	600,5	600,5	532,9	67,6	0,0	5	1011	618,0	-17,5	Nhận thừa kế từ mẹ là bà Võ Thị Vinh (đã chết) và bố là ông Lê Quốc Lập (đã chết) theo văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế được UBND xã Nghi Kim chứng thực ngày 15/9/2022. Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ và được UBND Huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 109+110, tờ 5, diện tích 933m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích, loại đất năm 2004 là thửa 1011, tờ số 5, diện tích 618,0m2. Diện tích hiện trạng giảm 17,5m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QD đất. Quá trình sử dụng ổn định, liên tục, đúng mục đích, không tranh chấp. Ông Hoà là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có nguồn thu nhập ổn định từ SXNN.
		19	201	LUC	236,4	236,4	236,4	0,0	0,0	5	1025	245,0	-8,6	Nhận thừa kế từ mẹ là bà Võ Thị Vinh (đã chết) và bố là ông Lê Quốc Lập (đã chết) theo văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế được UBND xã Nghi Kim chứng thực ngày 15/9/2022. Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ và được huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 126, tờ 5, diện tích 133m2, đất mạ. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích, loại đất năm 2004 là thửa 1125, tờ số 5, diện tích 245,0m2. Diện tích hiện trạng giảm 8,6m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QD đất. Quá trình sử dụng ổn định, liên tục, đúng mục đích, không tranh chấp. Ông Hoà là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có nguồn thu nhập ổn định từ SXNN

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BD	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
		19	256,0	BHK	579,6	579,6	579,6	0,0	0,0	5	1183	580,0	-0,4	Nhận thừa kế từ mẹ là bà Võ Thị Vinh (đã chết) và bố là ông Lê Quốc Lập (đã chết) theo văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế được UBND xã Nghi Kim chứng thực ngày 15/9/2022. Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 106, tờ 5, diện tích 466m2, đất màu. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích, loại đất năm 2004 là thửa 118, tờ số 5, diện tích 580,0m2 . Diện tích hiện trạng giảm 0,4m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng ổn định, liên tục, đúng mục đích, không tranh chấp. Đủ điều kiện cấp GCN QSD đất. Ông Hoà là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có nguồn thu nhập ổn định từ SXNN
2	Hộ bà Phạm Thị Oanh	19	103	BHK	158,5	32,6	32,6	0,0	125,9	5	981	161,0	-2,5	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 nằm trong thửa 108, tờ 5, diện tích 433m2, đất lúa màu. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích, loại đất năm 2004 là thửa số 981, tờ số 5, diện tích 161,0m2 . Diện tích hiện trạng giảm 2,5m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp GCN QSD đất. Quá trình sử dụng ổn định, liên tục, đúng mục đích, không tranh chấp. Bà Oanh là hộ trực tiếp SXNN, có nguồn thu nhập ổn định từ SXNN.
		19	119	BHK	326,9	32,5	32,5	0,0	294,4	5	1010	341,0	-14,1	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao đất theo Nghị định 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 nằm trong thửa 108, tờ 5, diện tích 433, đất lúa màu. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích, loại đất năm 2004 là thửa số 1010, tờ số 5, diện tích 341,0m2. Diện tích hiện trạng giảm 14,1m2 do mở mương thủy lợi và do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng ổn định, đúng mục đích, không tranh chấp. Bà Oanh là hộ trực tiếp SXNN, có nguồn thu nhập ổn định từ SXNN.

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BD	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
3	Hộ bà Nguyễn Thị Dung	19	127	BHK	517,9	205,7	205,7	0,0	312,2	5	1013	506,0	11,9	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo Nghị định số 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 là thửa số 110, tờ số 5, diện tích 500m2, đất lúa màu. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích, loại đất năm 2004 là thửa 1013, tờ 5, diện tích 506,0m2. Diện tích hiện trạng tăng 11,9m2 do sai số đo đạc. Quá trình sử dụng ổn định, đúng mục đích, ổn định, không tranh chấp. hộ bà Dung là hộ trực tiếp SXNN, có nguồn thu nhập ổn định từ SXNN.
4	Hộ ông Phạm Đình Diêu	19	137	BHK	386,0	64,4	64,4	0,0	321,6	5	1035	383,0	3,0	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo Nghị định số 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 cho ông Phạm Văn Diêu (ghi nhầm tên đệm) là thửa 106, tờ 5, diện tích 383m2, đất màu. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo chỉ thị số 02 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Thửa đất này đo chung thửa 1035, tờ 5, tổng diện tích 383m2,. Diện tích hiện trạng tăng 3,0m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Ông Diêu là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN
		19	290	BHK	330,7	330,7	330,7	0,0	0,0	5	1185	365,0	-34,3	được UBND huyện Nghi Lộc giao theo Nghị định số 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 cho ông Phạm Văn Diêu (ghi nhầm tên đệm) là thửa 131, tờ 5, diện tích 333m2, đất lúa màu. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo chỉ thị số 02 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Thửa đất này đo chung thửa 1185, tờ số 5, diện tích 365m2, Diện tích hiện trạng diện tích giảm 34,3m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Ông Diêu là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BD	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
5	Hộ ông Nguyễn Đình Bảo	19	141	BHK	486,0	486,0	486,0	0,0	0,0	5	1037	492,0	-6,0	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao đất theo NĐ 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất số C 0986948 vào sổ cấp 916/QSDĐ năm 1994 là thửa 132+133, tờ số 5, diện tích 2283, lúa, màu. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo chỉ thị số 02 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích loại đất năm 2004 là thửa 1037, tờ 5, diện tích 492,0m2, diện tích hiện trạng giảm 6,0m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Ông Bảo là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.
		19	377	BHK	444,9	193,4	193,4	0,0	251,5	5	1345	436,0	8,9	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao đất theo NĐ 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất số C 0986948 vào sổ cấp 916/QSDĐ năm 1994 là thửa 132+133, tờ số 5, diện tích 2283, lúa, màu. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo chỉ thị số 02 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ chuyển đổi 02 là thửa 1345, tờ 5, diện tích 436,0m2, diện tích hiện trạng tăng 8,9m2 do sai số đo đạc. đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Ông Bảo là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.
		19	343	LUC	298,3	298,3	298,3	0,0	0,0	5	1037	327,0	-28,7	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao đất theo NĐ 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất số C 0986948 vào sổ cấp 916/QSDĐ năm 1994 đo chung thửa 126, tờ 5, diện tích 265m2, đất mạ. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích, loại đất năm 2004 là thửa 1037, tờ số 5, diện tích 327,0m2, diện tích hiện trạng giảm 28,7m2 do trừ diện tích đất GT, TL và sai số đo đạc. đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Ông Bảo là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BD	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
		19	381	BHK	688,6	688,6	688,6	0,0	0,0	5	1340	677,0	11,6	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao đất theo ND 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất số C 0986948 vào sổ cấp 916/QSDĐ năm 1994 đo chung thửa 127, tờ 5, diện tích 665m2, đất màu. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích, loại đất năm 2004 là thửa 1040, tờ số 5, diện tích 677m2, diện tích hiện trạng tăng 11,6m2 do sai số đo đạc. Đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Ông Bảo là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.
		19	389	BHK	1265,0	1265,0	1265,0	0,0	0,0	5	1370	1309,0	-44,0	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao đất theo ND 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất số C 0986948 vào sổ cấp 916/QSDĐ năm 1994 là thửa 132+133, tờ số 5, diện tích 2283, lúa, màu. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo chỉ thị số 02 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích loại đất năm 2004 là thửa 1370 tờ 5, diện tích 1309, Diện tích hiện trạng giảm 44,0m2 do trừ 34m2 diện tích đất GT, TL và 10m2 do sai số đo đạc. Đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Ông Bảo là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.
6	Phạm Hồng Sinh - Hoàng Thị Minh Nguyệt	19	142	BHK	554,1	234,5	234,5	0,0	319,6	5	1038	542,0	12,1	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo ND 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất số C 0986893 vào sổ chứng nhận số 953/QSD đất năm 1994 là thửa 110b + 107, tờ 5, diện tích 681m2 mang tên bà Nguyễn Thị Lê. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo chỉ thị 02 /CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Thửa này được bà Nguyễn Thị Lê cho con là Hoàng Thị Minh Nguyệt sử dụng. Theo sổ xác nhận diện tích loại đất năm 2004 là thửa 1038, tờ số 5, diện tích 542m2. Diện tích hiện trạng tăng 12,1m2 ,do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Ông Sinh là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BD	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
7	Nguyễn Thị Thủy - Phạm Văn Trung	19	152	BHK	396,7	396,7	396,7	0,0	0,0	5	1035	783,0	-386,3	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 106, tờ số 5, diện tích 383m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Thửa này đang đo chung tại thửa 1035, tờ số 5, diện tích 783m2. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Bà Thủy là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.
		19	186	LUC	260,4	260,4	260,4	0,0	0,0	5	1104	300,0	-39,6	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 131b-110a, tờ 5, diện tích 1267m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An, theo số xác nhận diện tích, loại đất năm 2004 là thửa 1104, tờ số 5, diện tích 300,m2. Diện tích hiện trạng giảm 39,3m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Bà Thủy là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.
		19	264	BHK	1059,2	1059,2	1059,2	0,0	0,0	5	1185	1445,0	-20,8	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 131b-110a, tờ 5, diện tích 1267m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2021 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Thửa này đo chung thửa 1185, tờ số 5, diện tích 1445,m2. Trong đó bà Thủy 1060m2 (ông Diêu 365m2; 20m2 đất GT, TL). Diện tích hiện trạng giảm 0,8m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Bà Thủy là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BD	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
		19	191	BHK	144,9	144,9	144,9	0,0	0,0	5	1103	102,0	42,9	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 131b-110a, tờ 5, diện tích 1267m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An, theo sổ xác nhận diện tích, loại đất năm 2004 thửa 1103, tờ số 5, diện tích 102,0,m2. Diện tích hiện trạng tăng 42,9m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Bà Thuý là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.
8	Hộ bà Nguyễn Thị Soa Vợ của ông Lê Văn Kháng (đã chết)	19	187	BHK	466,6	187,6	187,6	0,0	279,0	5	1106	475,0	-8,4	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD số 942/QSD đất năm 1994 cho ông Lê văn Kháng tại 106, tờ số 5, diện tích 1165m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2021 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ chuyển đổi Chỉ thị 02/CT-TU là thửa 1106, tờ số 5, diện tích 475,0,m2 . Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Diện tích hiện trạng giảm 8,4m2 do sai số đo đạc. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Hộ bà Soa là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.
	Hộ ông Phạm	19	156	BHK	481,6	186,6	186,6	0,0	295,0	5	1069	448,0	33,6	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD số 907/QSD đất năm 1994 tại thửa 110, tờ số 5, diện tích 333m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An, Theo sổ xác nhận diện tích, loại đất năm 2004 là thửa 1069, tờ số 5, diện tích 448m2. Diện tích hiện trạng tăng 33,6m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Ông Sơn là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BD	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
9	Hồng Sơn	19	260	LUC	265,0	265,0	265,0	0,0	0,0	5	1182	264,0	1,0	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD số 907/QSDĐ năm 1994 tại thửa 104, tờ số 5, diện tích 265m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chi thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An, Theo sổ xác nhận diện tích, loại đất năm 2004 là thửa 1182, tờ số 5, diện tích 264m2. Diện tích hiện trạng tăng 1,0m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Ông Sơn là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN
10	Hộ ông Phùng Bá Tùng	19	161	BHK	375,1	375,1	375,1	0,0	0,0	5	1064	377,0	-1,9	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD số 982/QSDĐ năm 1994 tại thửa 106, tờ số 5, diện tích 333m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chi thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001, Theo sổ xác nhận diện tích, loại đất năm 2004 là thửa 1064, tờ số 5, diện tích 377,0m2 (Nguyễn Thị Hương). Diện tích hiện trạng giảm 1,9m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, Ông Tuất là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập từ SXNN.
11	Nguyễn Thị Hải - Phạm Văn Lương	19	164	LUC	199,4	47,4	47,4	0,0	152,0	5	1063	207,0	-7,6	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD năm 1994 tại thửa 103, diện tích 100m2, đất mạ (hiện tại không cung cấp được GCN QSD đất do gia đình đã nộp để cấp đổi đất ở, Tuy nhiên tại sổ địa chính trang 38 có thể hiện vào sổ cấp GCN số 944 ngày vào sổ 30/10/1994). Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chi thị 02/CT-TU ngày 05/4/2021 của Tỉnh uỷ Nghệ An, theo sổ xác nhận diện tích, loại đất năm 2004 là thửa 1063, tờ số 5, diện tích 207m2. Diện tích hiện trạng giảm 7,6m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Hộ bà Hải là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập từ SXNN.

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BD	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
12	Nguyễn Thị Hiệu - Nguyễn Văn Tiến	19	179	BHK	753,5	753,5	753,5	0,0	0,0	5	1100	770,0	-16,5	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD số 985/QSDĐ năm 1994 cho ông Nguyễn Văn Tiến tại thửa 115, diện tích 830m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích, loại đất năm 2004 là thửa 1100, tờ số 5, diện tích 770m2. Diện tích hiện trạng giảm 16,5m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Bà Hiệu là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.
		19	298	LUC	158,2	158,2	158,2	0,0	0,0	5	1245	157,0	1,2	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD số 985/QSDĐ năm 1994 tại thửa 126, diện tích 132m2, đất mạ. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An, Theo sổ chuyển đổi Chỉ thị 02/CT-TU là thửa 1245, tờ số 5, diện tích 157m2. Diện tích hiện trạng tăng 1,2m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Hộ bà Hải là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập từ SXNN.
13	Nguyễn Văn Minh	19	184	LUC	323,4	323,4	323,4	0,0	0,0	5	1098	332,0	-8,6	Nhận thừa kế từ mẹ là bà Đặng Thị Hạnh (đã chết) và bố là ông Nguyễn Văn Trung (đã chết) theo văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế được UBND xã Nghi Kim chứng thực ngày 06/9/2022. Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD số 973/QSDĐ năm 1994 tại thửa 104, tờ 5, diện tích 333m2 cho bà Nguyễn Thị Thanh (GCN QSD đất nhằm họ Đặng thành họ Nguyễn). Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích, loại đất năm 2004 là thửa 1098, tờ số 5, diện tích 332m2. Diện tích hiện trạng giảm 8,6m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Hộ ông Minh là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BD	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
14	Trần Văn Đức Hoàng Thị Phượng	19	196	LUC	280,2	280,2	280,2	0,0	0,0	5	1097	289,0	-8,8	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD số 963/QSDĐ năm 1994 tại thửa 103, tờ 5, diện tích 266m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích, loại đất năm 2004 là thửa 1097, tờ số 5, diện tích 289m2. Diện tích hiện trạng giảm 8,8m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Hộ ông Đức là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.
15	Hộ ông Nguyễn Văn Hợi	19	212	LUC	265,6	265,6	265,6	0,0	0,0	5	1126	275,0	-9,4	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD số 957/QSDĐ năm 1994 tại thửa 104, tờ số 5, diện tích 265m2, đất mạ. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích, loại đất năm 2004 là thửa 1126, tờ số 5, diện tích 275m2. Diện tích hiện trạng giảm 9,4m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Ông Hợi là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.
		19	214	BHK	776,1	776,1	776,1	0,0	0,0	5	1127	776,0	0,1	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD số 957/QSDĐ năm 1994 tại thửa 106, tờ số 5, diện tích 632m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa Thửa Chi thị 02/ct-tu ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích, loại đất năm 2004 là thửa 1127, tờ số 5, diện tích 776m2. Diện tích hiện trạng tăng 0,1m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Ông Hợi là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BD	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
		19	284	BHK	485,8	485,8	485,8	0,0	0,0	5	1220	509,0	-23,2	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo ND 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD số 957/QSDĐ năm 1994 tại thửa 131a, tờ số 5, diện tích 500m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh ủy Nghệ An. Theo sổ chuyển đổi Chỉ thị 02/C-TU là thửa 1220, tờ số 5, diện tích 509m2. Diện tích hiện trạng giảm 23,2m2 do mở đường, nương và sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Ông Hợi là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.
16	Hộ bà Phùng Thị Liên	19	219	BHK	233,1	100,4	100,4	0,0	132,7	5	1132	233,0	0,1	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo ND 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD số 957/QSDĐ năm 1994 mang tên Phùng Bá Kim (bố bà Liên) tại thửa 131, tờ số 5, diện tích 231m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh ủy Nghệ An, Thửa này được giao cho bà Phùng Thị Liên theo sổ chuyển đổi Chỉ thị 02/CT-TU là thửa 1132, tờ số 5, diện tích 233m2. Diện tích hiện trạng tăng 0,1m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Hộ bà Liên là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập từ SXNN.
		19	236	LUC	198,8	198,8	198,8	0,0	0,0	5	1154	230,0	-31,2	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo ND 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD số 957/QSDĐ năm 1994 mang tên Phùng Bá Kim (bố bà Liên) tại thửa 104, tờ số 5, diện tích 200m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh ủy Nghệ An, thửa đất được giao cho con là Phùng Thị Liên theo sổ xác nhận diện tích, loại đất năm 2004 là thửa 1154, tờ số 5, diện tích 230m2. Diện tích hiện trạng giảm 31,2m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Hộ bà Liên là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập từ SXNN.

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BD	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
17	Nguyễn Thị Liên - Nguyễn Văn Hoè	19	404	BHK	412,6	412,6	412,6	0,0	0,0	5	1371	413,0	-0,4	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD số.939/QSDĐ năm 1994 tại thửa 129, tờ số 5, diện tích 400m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chi thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích, loại đất năm 2004 là thửa 1371, tờ số 5, diện tích 413m2. Diện tích hiện trạng giảm 0,4m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Bà Liên là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.
18	Hộ bà Nguyễn Thị Đông	19	226	BHK	1026,5	1026,5	1026,5	0,0	0,0	5	1158	1195,0	-168,5	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD số.930/QSDĐ năm 1994 tại thửa 131, tờ số 5, diện tích 766m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chi thị 02/CT-TU là 1158, tờ số 5, diện tích 1195m2. Diện tích hiện trạng giảm 168,54m2 do trừ 28m2 đất GT, TL và 140,5 do sai số đo đạc qua thời gian. Thửa đất chưa được cấp GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Bà Đông là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.
		19	303	BHK	520,9	520,9	520,9	0,0	0,0	5	1247	519	1,9	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD số.930/QSDĐ năm 1994 tại thửa 127, tờ số 5, diện tích 467m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chi thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ chuyên đổi Chi thị 02/CT-TU là thửa 1247, tờ số 5, diện tích 519m2. Diện tích hiện trạng tăng 1,9m2 do sai số đo đạc Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Bà Đông là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BD	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
		19	271	LUC	241,0	241,0	241,0	0,0	0,0	5	1215	226,0	15,0	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo ND 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD số.930/QSDĐ năm 1994 tại thửa 126, tờ 5, diện tích 200m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích, loại đất năm 2004 là thửa 1215, tờ số 5, diện tích 226m2. Diện tích hiện trạng tăng 15m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Bà Đông là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.
19	Hộ ông Hoàng Công Hải	19	228	LUC	264,3	264,3	264,3	0,0	0,0	5	1155	270,0	-5,7	Được Nhà nước giao theo ND 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ cho ông Hoàng Công Nam và bà Nguyễn Thị Lê sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất (đã nộp cho UBND Thành phố làm thủ tục cấp đổi GCN QSD đất đối với đất ở), đã thực hiện cân đối chuyển đổi theo chỉ thị 02 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Tại thời điểm được nhà nước giao đất theo Nghị định 64/CP thì ông Nam, bà Lê và các con gồm ông Hoàng Công Thanh, Hoàng Công Hải và ông Hoàng Công Bình là các nhân khẩu được xét giao đất theo tiêu chuẩn. Theo văn bản thoả thuận phân chia đất nông nghiệp của hộ ông Hoàng Công Nam và bà Nguyễn Thị Lê được UBND xã Nghi Kim chứng thực 07/2023, quyền số 01/2023 (1)-SCT/CK,ĐK (có văn bản thoả thuận kèm theo) được thống nhất hộ ông Hải toàn quyền định đoạt, được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan.. Phần DT thể hiện trong sổ xác nhận diện tích, loại đất năm 2004 là thửa 1155, tờ số 5, diện tích 270m2 mang tên ông Hoàng Công Nam. Diện tích hiện trạng giảm 5,7m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Hộ ông Hải là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BĐ	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
20	Nguyễn Văn Trường - Vương Thị Nga	19	229	BHK	659,3	278,4	278,4	0,0	380,9	5	1160	653,0	6,3	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD năm 1994 tại thửa 131, tờ 5, diện tích 393m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh ủy Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích, loại đất năm 2004 là thửa 1160, tờ số 5, diện tích 653m2. Diện tích hiện trạng tăng 6,3m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Hộ ông Trường là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.
		27	5	BHK	431,0	431,0	431,0	0,0	0,0	9	16	433,0	-2,0	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD năm 1994 tại thửa 132-133, tờ số 5, diện tích 333m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh ủy Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích, loại đất năm 2004 là thửa 16, tờ số 9, diện tích 433m2. Diện tích hiện trạng giảm 2,0m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Hộ ông Trường là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.
		27	21	LUC	150,6	150,6	150,6	0,0	0,0	0,0	9	51	152,0	-1,4

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BD	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
21	Hộ ông Võ Văn Hà	19	375	LUC	341,2	341,2	341,2	0,0	0,0	5	1338	350,0	-8,8	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD số 940/QSDĐ năm 1994 tại thửa 126, tờ số 5, diện tích 332m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chi thị 02/TCT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ chuyển đổi Chi thị 02/CT-TU là thửa 1338, tờ số 5, diện tích 350m2. Diện tích hiện trạng giảm 8,8m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa đc cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Hộ ông Hà là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ việc SXNN.
22	Hộ ông Nguyễn	19	266	BHK	605,6	605,6	605,6	0,0	0,0	5	1184	606,0	-0,4	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD số 948/QSDĐ ngày 30/4/1994 tại thửa 127, tờ 5, diện tích 665m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chi thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích, loại đất năm 2004 là thửa 1184, tờ số 5, diện tích 606,m2. Diện tích hiện trạng giảm 0,4m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Ông Lai là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ việc SXNN
		19	350	BHK	500,3	218,3	218,3	0,0	282,0	5	1314	494,0	6,3	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD số 948/QSDĐ ngày 30/4/1994 tại thửa 132, tờ số 5, diện tích 466m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chi thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích, loại đất năm 2004 là thửa 1314, tờ số 5, diện tích 494,m2. Diện tích hiện trạng tăng 6,3m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Ông Lai là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BD	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
22	Quốc Lai	19	371	BHK	744,6	744,6	744,6	0,0	0,0	5	1344	744,0	0,6	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD số 948/QSDĐ ngày 30/4/1994 tại thửa 129, tờ số 5, diện tích 731m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2021 của Tỉnh ủy Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích, loại đất năm 2004 là thửa 1344, tờ số 5, diện tích 774,m2. Diện tích hiện trạng giảm 29,4m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Ông Lai là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ việc SXNN.
		27	41	LUC	387,1	387,1	387,1	0,0	0,0	9	80	550,0	-162,9	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD số 948/QSDĐ ngày 30/4/1994 tại thửa 128, tờ số 5, diện tích 265m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2021 của Tỉnh ủy Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích, loại đất năm 2004 là thửa 80, tờ số 9, diện tích 550m2. Diện tích hiện trạng giảm 162,9m2, trong đó giảm 10m2 do trừ đất GT, TL; 152,9 giảm do sai số đo đạc. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Ông Lai là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ việc SXNN.
23	Võ Văn Huân - Võ Thị Giang	19	274	BHK	1014,6	1014,6	1014,6	0,0	0,0	5	1219	913,0	101,6	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD số C 0986932 năm 1994 cho bà Vương Thị Linh (mẹ ông Huân) tại thửa 127, tờ số 5, diện tích 731m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh ủy Nghệ An. Thửa đất này được chuyển cho ông Huân canh tác từ trước đến nay. Theo sổ chuyển đổi theo Chỉ thị 02/CT-TU là thửa 1219, tờ số 5, diện tích 913m2. Diện tích hiện trạng tăng 101,6m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. ông Huân là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ việc SXNN

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BD	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
24	Võ Thị Nga - Võ Sỹ Biên	19	288	BHK	1348,3	579,4	579,4	0,0	768,9	5	1186+1223	1325,0	23,3	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD số 917/QSDĐ năm 1994 tại thửa 131b, tờ số 5, diện tích 833. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An tại thửa 1186, tờ số 5, diện tích 525 và thửa 1223 m2; diện tích 800m2. Diện tích hiện trạng tăng 23,3m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. bà Nga là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ việc SXNN
		27	16	LUC	180,8	180,8	180,8	0,0	0,0	5	128	183,0	-2,2	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD số 917/QSDĐ năm 1994 tại thửa 128, tờ số 5, diện tích 135m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An vị trí tại thửa 15, diện tích 183m2, tờ số 5. Diện tích giảm 2,2m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. bà Nga là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ việc SXNN
25	Nguyễn Thị Mão - Phạm Văn Thụ	19	294	LUC	153,4	153,4	153,4	0,0	0,0	5	1245	157,0	-3,6	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD số 987/QSDĐ năm 1994 mang tên Nguyễn Văn Thụ (do nhầm họ) tại thửa 126, tờ số 5, diện tích 113m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ chuyển đổi theo chỉ thị 02 là thửa 1245, tờ số 5, diện tích 157m2. Diện tích hiện trạng giảm 3,6m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Bà Mão là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập từ việc SXNN.

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BD	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
26	Bà Võ Thị Hiền người thừa kế theo pháp luật của	19	327	BHK	795,3	795,3	795,3	0,0	0,0	5	1250	864,0	-68,7	Nhận thừa kế từ bố là ông Võ Sỹ Hưng (đã chết) và mẹ là bà Trần Thị Thuân (đã chết) theo văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế được UBND xã Nghi Kim chứng thực ngày 15/9/2022. Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD số C 0986461 năm 1994 cho bà Trần Thị Thuân (mẹ bà Hiền). Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chi thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích năm 2004 là thửa 1278, tờ số 5, diện tích 864m2. Diện tích hiện trạng giảm 68,7m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. bà Hiền là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN
		27	29	LUC	265,2	265,2	265,2	0,0	0,0	9	49	270,0	-4,8	Nhận thừa kế từ bố là ông Võ Sỹ Hưng (đã chết) và mẹ là bà Trần Thị Thuân (đã chết) theo văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế được UBND xã Nghi Kim chứng thực ngày 15/9/2022. Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD số C 0986461 năm 1994 cho bà Trần Thị Thuân (mẹ bà Hiền). Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chi thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An là thửa 49, tờ số 9, diện tích 270m2. Diện tích hiện trạng giảm 4,8m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. bà Hiền là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BĐ	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
20	ông Võ Sỹ Hưng (đã chết) Bà Trần Thị Thuân (đã chết)	27	31	BHK	452,1	452,1	452,1	0,0	0,0	9	52	440,0	12,1	Nhận thừa kế từ bố là ông Võ Sỹ Hưng (đã chết) và mẹ là bà Trần Thị Thuân (đã chết) theo văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế được UBND xã Nghi Kim chứng thực ngày 15/9/2022. Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo ND 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD số C 0986461 năm 1994 cho bà Trần Thị Thuân (mẹ bà Hiền). Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An . Theo sổ xác nhận diện tích năm 2004 là thửa 52, tờ số 9, diện tích 440m2. Diện tích hiện trạng tăng 12,1m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. bà Hiền là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN
		19	296	BHK	382,5	159,8	159,8	0,0	222,7	5	1250	370,0	12,5	Nhận thừa kế từ bố là ông Võ Sỹ Hưng (đã chết) và mẹ là bà Trần Thị Thuân (đã chết) theo văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế được UBND xã Nghi Kim chứng thực ngày 15/9/2022. Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo ND 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD số C 0986461 năm 1994 cho bà Trần Thị Thuân (mẹ bà Hiền). Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An , theo sổ xác nhận diện tích năm 2004 là thửa 1250, tờ số 5, diện tích 370m2. Diện tích hiện trạng tăng 12,1m2 do sai số đo đạc. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Thửa đất chưa được cấp GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. bà Hiền là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BD	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
27	Trần Văn Ngôn- Lê Thị Linh	19	299	BHK	1000,1	1000,1	1000,1	0,0	0,0	5	1248	1080,0	-79,9	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD năm 1994 tại thửa 131, tờ số 5, diện tích 1433m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh ủy Nghệ An. Theo số chuyển đổi theo chỉ thị 02/CT là thửa 1248, tờ số 5, diện tích 1008m2. Diện tích hiện trạng giảm 79,9m2 trong đó trừ 28m2 do trừ đất GT, TL; 51,9m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. ông Ngôn là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN
		19	321	BHK	621,3	621,3	621,3	0,0	0,0	5	1277	618,0	3,3	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD năm 1994 tại thửa 127, tờ số 5, diện tích 300m2, đất màu. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh ủy Nghệ An. Theo số chuyển đổi theo chỉ thị 02/CT là thửa 1277, tờ số 5, diện tích 618m2 (Nguyễn Thị Đông). Diện tích hiện trạng tăng 3,3m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. ông Ngôn là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ
		19	331	LUC	283,6	283,6	283,6	0,0	0,0	5	1275	292,0	-8,4	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD năm 1994 tại thửa 126, tờ số 5, diện tích 265, đất mạ. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh ủy Nghệ An. Theo số chuyển đổi chỉ thị 02/CT là thửa 1275, tờ số 5, diện tích 292m2. Diện tích hiện trạng giảm 8,4m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. ông Ngôn là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BD	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
28	Trần Thị Nghĩa - Trần Yên Tá	19	304	BHK	428,9	175,8	175,8	0,0	253,1	5	1280	858,0	-429,1	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo Nghị định 64/NĐ-CP của Chính Phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 132+133, tờ số 5, diện tích 400m2, đất lúa màu. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Thửa này do chung thửa tại số 1280, tờ số 5, tổng diện tích 858m2 chung thửa với ông Châu. Phần diện tích theo số 02/CT thì bà Nghĩa 458,0m2 và ông Châu 400m2. Diện tích hiện trạng giảm 29,1m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Bà Nghĩa là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN
29	Hộ bà Nguyễn Thị Vỹ	19	310	BHK	629,3	629,3	629,3	0,0	0,0	5	1249	653,0	-23,7	Được UBND huyện Nghi Lộc giao theo Nghị định số 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 cho ông Nguyễn Đình Châu (bố bà Vỹ). Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Thửa đất chuyển cho bà Nguyễn Thị Vỹ Canh tác từ đó đến nay. Theo sổ chuyển đổi 02/CT-TU là thửa 1249, tờ số 5, diện tích 653m2. Diện tích hiện trạng giảm 23,7m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Bà Vỹ là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN
30	Hộ bà Vương Thị Linh	19,0	311,0	BHK	522,4	219,9	219,9	0,0	302,5	5	1281	520,0	2,4	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ và được huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 132+133, tờ số 5, diện tích 466m2, lúa màu. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích năm 2004 là thửa 1281, tờ số 5, diện tích 520m2. Diện tích hiện trạng tăng 2,4m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Bà Linh là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BD	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
31	Lê Minh Sơn - Lê Thị Tuyết	19	277	BHK	999,8	999,8	999,8	0,0	0,0	5	1221	1001,0	-1,2	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao đất theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 131a, tờ số 5, diện tích 966m2, đất lúa. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ chuyên đổi chỉ thị 02/CT là thửa 1221, tờ số 5, diện tích 1001,0m2. Diện tích hiện trạng giảm 1,2m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Hộ ông Sơn là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN
		19	317	LUC	266,4	266,4	266,4	0,0	0,0	5	1276	244,0	22,4	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao đất theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 126, tờ số 5, diện tích 200m2, đất mạ. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích năm 2004 là thửa 1276, tờ số 5, diện tích 244m2. Diện tích hiện trạng tăng 22,4m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Hộ ông Sơn là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN
		19	339	BHK	527,9	527,9	527,9	0,0	0,0	5	1310	524,0	3,9	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao đất theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 127, tờ số 5, diện tích 466m2, đất màu. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ chuyên đổi theo chỉ thị 02 là thửa 1310, tờ số 5, diện tích 524m2. Diện tích hiện trạng tăng 3,9m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Hộ ông Sơn là hộ trực tiếp SXNN có thu nhập ổn định từ SXNN

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BD	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
32	Nguyễn Văn Sơn - Nguyễn Thị Hê	19	174	BHK	502,0	207,9	207,9	0,0	294,1	5	1070	504,0	-2,0	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao đất theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 124, tờ số 5, diện tích 2098m2 đất lúa màu. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh ủy Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích năm 2004 là thửa 1070, tờ số 5, diện tích 504m2. Diện tích hiện trạng giảm 2,0m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Ông Sơn là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định, từ SXNN
		19	206	BHK	2038,7	2038,7	2038,7	0,0	0,0	5	1130	2043,0	-4,3	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao đất theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 124, tờ số 5, diện tích 1298m2 đất lúa màu. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh ủy Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích năm 2004 là thửa 1130, tờ số 5, diện tích 2043,0m2. Diện tích hiện trạng giảm 4,3m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Ông Sơn là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định, từ SXNN cấp GCN QSD đất
		19	336	BHK	241,8	241,8	241,8	0,0	0,0	5	1394	240,0	1,8	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao đất theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 126, tờ số 5, diện tích 231m2 đất mạ. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU của Tỉnh ủy Nghệ An nhưng thửa đất này vẫn giữ nguyên vị trí. Theo sổ xác nhận diện tích năm 2004 là thửa 1394, tờ số 5, diện tích 240m2. Diện tích hiện trạng tăng 1,8m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Ông Sơn là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định, từ SXNN cấp GCN QSD đất

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BD	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
		19	244	BHK	351,8	351,8	351,8	0,0	0,0	5	1156	324,0	27,8	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao đất theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 106, tờ số 5, diện tích 830 đất màu. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 04/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích năm 2004 là thửa 1156, tờ số 5, diện tích 324m2. Diện tích hiện trạng tăng 27,8m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Ông Sơn là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định, từ SXNN cấp GCN QSD đất
		19	286	BHK	501,6	501,6	501,6	0,0	0,0	5	1218	577,0	-75,4	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao đất theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 124, tờ số 5, diện tích 2098m2 đất lúa màu. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích năm 2004 là thửa 1218, tờ số 5, diện tích 577m2. Diện tích hiện trạng giảm 75,4m2 do sai số đo đạc. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Ông Sơn là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định, từ SXNN cấp GCN QSD đất
		19	306	LUC	281,6	281,6	281,6	0,0	0,0	5	1246	279,0	2,6	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao đất theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 126, tờ số 5, diện tích 231m2, Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU của Tỉnh uỷ Nghệ An nhưng thửa đất này vẫn giữ nguyên vị trí. Theo sổ xác nhận diện tích năm 2004 là thửa 1246, tờ số 5, diện tích 279m2. Diện tích hiện trạng tăng 2,6m2 do sai số đo đạc. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Đủ điều kiện cấp GCN QSD đất

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BD	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
33	Hộ bà Nguyễn Thị Lan	19	347	LUC	106,4	106,4	106,4	0,0	0,0	5	1308	100,0	6,4	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao đất theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 126, tờ số 5, diện tích 100m2 đất mạ. (Gia đình không phối hợp cung cấp GCN QD đất). Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh ủy Nghệ An. Thửa đất này do chung thửa 1308, tờ số 5, diện tích 155m2, trong đó hộ bà Lan 100m2; 55m2 của hộ bà Nguyễn Thị Hiệp. Diện tích hiện trạng tăng 6,4m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Bà Lan là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ
34	Phạm Ngọc Châu - Võ Thị Hiến	19	348	BHK	438,5	438,5	438,5	0,0	0,0	5	1311	436,0	2,5	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 127, tờ số 5, diện tích 433m2, đất màu. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/8CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh ủy Nghệ An. Theo sổ chuyển đổi theo chỉ thị 02/CT-TU là thửa 1311, tờ số 5, diện tích 436m2, Diện tích hiện trạng tăng 2,5m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Ông Châu là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.
		19	360	LUC	297,4	297,4	297,4	0,0	0,0	5	1339	301,0	-3,6	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 126, tờ số 5, diện tích 265m2, đất mạ. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh ủy Nghệ An. Theo sổ chuyển đổi Chỉ thị 02/CT-TU là thửa 1339, tờ số 5, diện tích 301m2, Diện tích hiện trạng giảm 3,6m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Ông Châu là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BD	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
		19	330	BHK	434,7	176,1	176,1	0,0	258,6	5	1280	400,0	34,7	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 132-133, tờ số 5, diện tích 400m2, lúa màu. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An thửa đất này đo chung thửa 1280, tờ số 5, diện tích 858m2, trong đó 400m2 của ông Châu và 458m2 của hộ bà Trần Thị Nghĩa. Diện tích hiện trạng tăng 34,7m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Ông Châu là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.
35	Hộ bà Nguyễn Thị Quế	19	356	LUC	240,2	240,2	240,2	0,0	0,0	5	1309	274,0	-33,8	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 126, tờ số 5, diện tích 231m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ chuyển đổi chỉ thị 02/CT là thửa 1309, tờ số 5, diện tích 274m2, Diện tích hiện trạng giảm 33,8m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Bà Quế là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.
		19	359	BHK	323,3	323,3	323,3	0,0	0,0	5	1342	327,0	-3,7	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 127, tờ số 5, diện tích 333m2, đất màu. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ chuyển đổi theo chỉ thị 02/CT là thửa 1342, tờ số 5, diện tích 327m2, Diện tích hiện trạng giảm 3,7m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Bà Quế là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BD	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
		27	1	BHK	897,6	897,6	897,6	0,0	0,0	9	18	976,0	-78,4	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 129-130, tờ số 5, diện tích 833m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích năm 2004 là thửa 18, tờ số 9, diện tích 976m2, Diện tích hiện trạng giảm 78,4m2 do trừ đất GT, TL 2,6m2; 52,4m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Bà Quế là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định
		19	368	BHK	323,3	323,3	323,3	0,0	0,0	5	1341	324,0	-0,7	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 127, tờ số 5, diện tích 333. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ cần đổi chuyển đổi theo chỉ thị 02/CT là thửa 1341, tờ số 5, diện tích 324m2, Diện tích hiện trạng giảm 0,7m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Bà Hiệp là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.
		19	155	BHK	736,8	736,8	736,8	0,0	0,0	5	1067	720,0	16,8	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 129-130-110, tờ số 5, diện tích 1165m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích năm 2004 là thửa 1067, tờ số 5, diện tích 720m2, Diện tích hiện trạng tăng 16,8m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Bà Hiệp là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BD	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
36	Nguyễn Thị Hiệp - Nguyễn Xuân Chương	19	352	LUC	75,0	75,0	75,0	0,0	0,0	5	1308	55,0	20,0	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 126, tờ số 5, diện tích 165m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo số chuyển đổi theo chỉ thị 02/CT là thửa 1308, tờ số 5, diện tích 55m2, Diện tích hiện trạng tăng 20m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Bà Hiệp là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.
		19	312	BHK	748,5	748,5	748,5	0,0	0,0	5	1279	732,0	16,5	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 129-130-110, tờ số 5, diện tích 1165m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo số chuyển đổi theo chỉ thị 02/CT là thửa 1279, tờ số 5, diện tích 732m2, Diện tích hiện trạng tăng 16,5m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Bà Hiệp là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.
		27	25	LUC	106,4	106,4	106,4	0,0	0,0	9	50	107,0	-0,6	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 126, tờ số 5, diện tích 165m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo số chuyển đổi theo chỉ thị 02/CT là thửa 50, tờ số 9, diện tích 107m2, Diện tích hiện trạng giảm 0,6m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Bà Hiệp là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BD	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
37	Trần Thị Loan - Nguyễn Đình Châu	19	408	BHK	589,6	589,6	589,6	0,0	0,0	5	1369	588,0	1,6	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 127, tờ số 5, diện tích 466m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh ủy Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích năm 2004 là thửa 1369, tờ số 5, diện tích 588m2, Diện tích hiện trạng tăng 1,6m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Bà Loan là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.
		19	245	BHK	268,4	114,9	114,9	0,0	153,5	5	1159	271,0	-2,6	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 124 (CGC QSD đất ghi nhầm 128), tờ số 5, diện tích 265m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh ủy Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích năm 2004 là thửa 1159, tờ số 5, diện tích 271m2, Diện tích hiện trạng giảm 2,6m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Bà Loan là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.
		27	8	LUC	294,2	294,2	294,2	0,0	0,0	9	14	298,0	-3,8	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 128, tờ số 5, diện tích 265m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh ủy Nghệ An. Theo sổ chuyên đổi Chỉ thị 02/CT là thửa 14, tờ số 9, diện tích 298m2, Diện tích hiện trạng giảm 3,8m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Bà Loan là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BD	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
38	Võ Sỹ Luyến - Vũ Thị Minh	27	4	LUC	254,1	254,1	254,1	0,0	0,0	9	13	260,0	-5,9	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 128, tờ số 5, diện tích 265m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chi thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ chuyển đổi theo Chi thị 02/CT là thửa 13, tờ số 9, diện tích 260m2, Diện tích hiện trạng giảm 5,9m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Ông Luyến là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.
		27	12	BHK	502,2	502,2	502,2	0,0	0,0	9	17	504,0	-1,8	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 127, tờ số 5, diện tích 467m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chi thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích năm 2004 là thửa 17, tờ số 9, diện tích 504m2, Diện tích hiện trạng giảm 1,8m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Ông Luyến là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.
		19	406	BHK	500,2	217,8	217,8	0,0	282,4	5	1372	501,0	-0,8	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 133, tờ số 5, diện tích 466m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chi thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích năm 2004 là thửa 1372, tờ số 5, diện tích 501m2, Diện tích hiện trạng giảm 0,8m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Bà Cừ là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BD	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
39	Hộ bà Lê Thị Cừ	19	198	BHK	534,2	534,2	534,2	0,0	0,0	5	1068	544,0	-9,8	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 110-129, tờ số 5, diện tích 1466m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chi thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích năm 2004 là thửa 1068, tờ số 5, diện tích 544m2, Diện tích hiện trạng giảm 9,8m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Bà Cừ là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.
		19	407	LUC	248,8	248,8	248,8	0,0	0,0	5	1367	256,0	-7,2	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 128, tờ số 5, diện tích 265m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chi thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ chuyên đổi chỉ thị 02/CT là thửa 1367, tờ số 5, diện tích 256m2, Diện tích hiện trạng giảm 7,2m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Bà Cừ là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN.
		27	10	BHK	995,0	995,0	995,0	0,0	0,0	9	19	1005,0	-10,0	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 110-129, tờ số 5, diện tích 1466m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chi thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh uỷ Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích năm 2004 là thửa 19, tờ số 9, diện tích 1005m2, Diện tích hiện trạng giảm 10m2 do sai số đo đạc. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Bà Cừ là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BĐ	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
		27	24	BHK	481,5	481,5	481,5	0,0	0,0	9	53	529,0	-47,5	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 133, tờ số 5, diện tích 466m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh ủy Nghệ An. Theo sổ xác nhận diện tích năm 2004 là thửa 53, tờ số 9, diện tích 529m2, Diện tích hiện trạng giảm 47,5m2 do sai số đo đạc. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Bà Cừ là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN
40	Hộ ông Nguyễn Văn Lượng	19	204	BHK	555,4	217,1	217,1	0,0	338,3	5	124b	500,0	55,4	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT/TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh ủy Nghệ An, và năm 2003 được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất tại thửa 124b, tờ số 5, diện tích 500m2. Diện tích hiện trạng giảm 55,4m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Ông Lượng là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN
		19	241	BHK	1000,5	1000,5	1000,5	0,0	0,0	5	124a	1000,0	0,5	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT/TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh ủy Nghệ An, và được năm 2003 được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất tại thửa 124a, tờ số 5, diện tích 1000m2, Diện tích hiện trạng giảm 0,5m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Ông Lượng là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BD	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
41	Hộ bà Nguyễn Thị Nhung	19	393	BHK	410,1	410,1	410,1	0,0	0,0	5	1368	406,0	4,1	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 127, tờ số 5, diện tích 465. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh ủy Nghệ An. Theo sổ chuyển đổi theo Chỉ thị 02 của Tỉnh ủy Nghệ An là thửa 1368, tờ số 5, diện tích 406m2. Diện tích hiện trạng tăng 4,1m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Bà Nhung là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN
		19	344	BHK	681,2	681,2	681,2	0,0	0,0	5	1312,0	716,0	-34,8	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 129+131, tờ số 5, diện tích 1264m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh ủy Nghệ An. Theo sổ chuyển đổi theo Chỉ thị 02 của Tỉnh ủy Nghệ An là thửa 1312, tờ số 5, diện tích 716m2. Diện tích hiện trạng giảm 34,8m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Bà Nhung là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN
		19	358	BHK	655,2	287,5	287,5	0,0	367,7	5	1346	644,0	11,2	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 129+131, tờ số 5, diện tích 1264m2. Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh ủy Nghệ An. Theo sổ chuyển đổi Chỉ thị 02 của Tỉnh ủy Nghệ An là thửa 1346, tờ số 5, diện tích 644m2. Diện tích hiện trạng tăng 11,2m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Bà Nhung là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ BD	Số thửa	Loại đất	DT thửa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thửa đất (m2)	DT thửa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						
		19	395	LUC	255,3	255,3	255,3	0,0	0,0	5	1366	259,0	-3,7	Đất được UBND huyện Nghi Lộc giao theo NĐ 64/ND-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ và được UBND huyện Nghi Lộc cấp GCN QSD đất năm 1994 tại thửa 128, tờ số 5, diện tích 265m2. . Năm 2002 thực hiện dồn điền đổi thửa theo Chỉ thị 02/CT-TU ngày 05/4/2001 của Tỉnh ủy Nghệ An. Theo số chuyển đổi theo Chỉ thị 02 của Tỉnh ủy Nghệ An là thửa 1366, tờ số 5, diện tích 259m2. Diện tích hiện trạng giảm 3,7m2 do sai số đo đạc. Thửa đất chưa được cấp đổi GCN QSD đất. Quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, đúng mục đích. Bà Nhung là hộ trực tiếp SXNN, có thu nhập ổn định từ SXNN
<b>B</b>	<b>Đất do UBND xã quản lý</b>				<b>3473,8</b>	<b>6390,9</b>	<b>6346,6</b>	<b>44,3</b>	<b>1190,1</b>		\			
1	UBND xã Nghi Kim	19	205	NTS	272,6	272,6	272,6	0,0	0,0					
2		19		DGT		4107,2	4107,2	0,0						
3		19	334	DTL	611,6	611,6	567,3	44,3	0,0					
4		19	126	DTL	172,6	70,4	70,4	0,0	102,2					
5		19	280	DTL	815,1	815,1	815,1	0,0	0,0					
6		19	151	DTL	1168,6	141,3	141,3	0,0	1027,3					
7		19	308	DTL	332,0	332,0	332,0	0,0	0,0					
8		19	160	DTL	101,3	40,7	40,7	0,0	60,6					
<b>III</b>	<b>Tổng cộng</b>				<b>55.086,8</b>	<b>51.205,1</b>	<b>51.093,2</b>	<b>111,9</b>	<b>7.988,9</b>					

TT	Chủ quản lý, sử dụng	Tờ ĐD	Số thừa	Loại đất	DT thừa đất (m2)	DT thu hồi (m2)	Trong đó		DT còn lại (m2)	Tờ	Thừa đất (m2)	DT thừa đất (m2)	tích chênh lệch (m2)	Nguồn gốc
							DT quy hoạch (m2)	DT ảnh hưởng (m2)						